

CÔNG TY TNHH DƯỢC LIỆU AN THIÊN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DƯỢC LIỆU AN THIÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN THIEN MEDICINE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AN THIEN MEDICINE CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2301268702

3. Ngày thành lập: 15/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thanh Gia, Xã Quảng Phú, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0988108292

Fax:

Email: ngaicuuanthien@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
9.	Bán mô tô, xe máy	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
14.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
27.	Trồng lúa	0111
28.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
29.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
30.	Trồng cây mía	0114
31.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
32.	Trồng cây lấy sợi	0116
33.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
34.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
35.	Trồng cây hàng năm khác	0119
36.	Trồng cây ăn quả	0121
37.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
38.	Trồng cây điều	0123
39.	Trồng cây hồ tiêu	0124
40.	Trồng cây cao su	0125
41.	Trồng cây cà phê	0126
42.	Trồng cây chè	0127
43.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
44.	Trồng cây lâu năm khác	0129
45.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
46.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
47.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
48.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
49.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
50.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
51.	Chăn nuôi gia cầm	0146
52.	Chăn nuôi khác	0149
53.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
54.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
55.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
56.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
57.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
58.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
59.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
60.	Khai thác gỗ	0220

61.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
62.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
63.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
64.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
65.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
66.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
67.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
68.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng	8291
70.	Dịch vụ đóng gói	8292
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
72.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
73.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
74.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
75.	Cổng thông tin	6312
76.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
77.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
78.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
79.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
80.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
81.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
82.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
83.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
84.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
85.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
86.	Quảng cáo	7310
87.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
88.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
89.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
90.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
91.	Hoạt động thú y	7500
92.	Cho thuê xe có động cơ	7710

93.	Bán buôn tổng hợp	4690
94.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
95.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
96.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
97.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
98.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
99.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
100.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
101.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
102.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
103.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
104.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
105.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
106.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
107.	Sản xuất đường	1072
108.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
109.	Sản xuất máy chuyên dụng khác (Sản xuất máy hơi ngải cứu, nhang ngải cứu, máy sấy nông sản rau củ quả, các loại thiết bị trung cất và làm nóng nước)	2829(Chính)
110.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
111.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
112.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
113.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
114.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
115.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
116.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM THỊ TỰA	Việt Nam	Thanh Gia, Xã Quảng Phú, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	1.400.000.000	70,000	027192006575	

2	NGUYỄN VĂN THIÊM	Việt Nam	Thanh Gia, Xã Quảng Phú, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	600.000.000	30,000	027088004716	
---	---------------------	-------------	--	-------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ TỰA

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *22/06/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *027192006575*

Ngày cấp: *05/07/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thanh Gia, Xã Quảng Phú, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thanh Gia, Xã Quảng Phú, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh